

PHỤ LỤC II
DANH MỤC PHẦN TỬ DỮ LIỆU ƯU TIÊN RÀ SOÁT, CHUẨN HÓA VÀ ÁNH XẠ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Mã CDE được đối soát theo hướng dẫn tại Công văn số 2910/BCA-TTDLQG ngày 12/6/2026 của Bộ Công an; mã TQ-DE là mã đăng ký cấp tỉnh.

A. Danh mục 23 phần tử dữ liệu cốt lõi đã đối soát

STT	Mã CDE	Nhóm	Tên nghiệp vụ chuẩn	Đặc tả ngắn theo workbook	Số tên field ánh xạ	Lưu ý áp dụng tại tỉnh
1	CDE-DC-001	Địa chỉ hành chính	Mã tỉnh/thành phố	String · 2 ký tự số	3	Áp dụng cùng danh mục mã hành chính hiện hành; lưu lịch sử hiệu lực.
2	CDE-DC-002	Địa chỉ hành chính	Mã quận/huyện	String · 3 ký tự số	2	Chỉ dùng cho dữ liệu lịch sử, chuyển tiếp hoặc tương thích tại tỉnh.
3	CDE-DC-003	Địa chỉ hành chính	Mã xã/phường/thị trấn	String · 5 ký tự số	2	Đối soát Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg và các cập nhật chính thức.
4	CDE-DC-004	Địa chỉ hành chính	Mã quốc gia	String · 3 ký tự chữ hoa (alpha-3)	1	Mã/tên đã đối soát; định nghĩa trong workbook bị sao chép nhầm, không sử dụng nguyên văn.
5	CDE-CN-001	Danh tính cá nhân	Số định danh cá nhân	String · 12 ký tự số	5	Không coi CMND 9 số là giá trị 12 số; chỉ chuyển đổi khi có đối soát hợp pháp.
6	CDE-CN-002	Danh tính cá nhân	Giới tính	String · 1 ký tự số	2	Dùng đúng miền giá trị và phiên bản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.
7	CDE-CN-003	Danh tính cá nhân	Quốc tịch	String · 2 ký tự chữ hoa (alpha-2)	2	Phân biệt với mã quốc gia dùng trong địa chỉ.
8	CDE-CN-004	Danh tính cá nhân	Dân tộc	String · 2 ký tự số	1	Không tạo mã địa phương; kiểm soát căn cứ xử lý dữ liệu cá nhân.
9	CDE-CN-005	Danh tính cá nhân	Tôn giáo	String · 5 ký tự	1	Kiểm soát chặt căn cứ thu thập, mục đích, quyền truy cập và chia sẻ.

STT	Mã CDE	Nhóm	Tên nghiệp vụ chuẩn	Đặc tả ngắn theo workbook	Số tên field ảnh xạ	Lưu ý áp dụng tại tỉnh
10	CDE-CN-006	Danh tính cá nhân	Mã số BHXH	String · 10 ký tự số	1	Không tự đồng nhất với số định danh cá nhân.
11	CDE-CN-007	Danh tính cá nhân	Nghề nghiệp	String · 5 ký tự	1	Phân biệt nghề nghiệp, chức danh và vị trí việc làm.
12	CDE-TC-001	Tổ chức và pháp nhân	Mã số thuế	String · 10 hoặc 13 ký tự số	1	Bảo toàn số 0 đầu; xác định rõ mã đơn vị phụ thuộc.
13	CDE-TC-002	Tổ chức và pháp nhân	Mã định danh tổ chức	String · tối đa 35 ký tự	2	Chỉ ánh xạ khi đối tượng là tổ chức và đúng loại mã.
14	CDE-GT-001	Giấy tờ định danh	Loại giấy tờ định danh cá nhân	String · 2 ký tự số	2	Dùng đúng bảng mã có thẩm quyền; không tự tạo bảng 01–05.
15	CDE-GT-002	Giấy tờ định danh	Loại giấy tờ xuất nhập cảnh	String · 2 ký tự chữ hoa	1	Không dùng thay cho danh mục giấy tờ định danh chung.
16	CDE-TG-001	Thời gian và định dạng	Định dạng ngày tháng năm đầy đủ	String · 10 ký tự: YYYY-MM-DD	18	CDE chuẩn hóa định dạng; ngữ nghĩa ngày cụ thể vẫn phải mô tả bằng phần tử tỉnh.
17	CDE-TG-002	Thời gian và định dạng	Định dạng tháng và năm	String · 7 ký tự: YYYY-MM	3	Không dùng cho kỳ quý/năm nếu chưa có cấu trúc và quy tắc riêng.
18	CDE-TG-003	Thời gian và định dạng	Định dạng năm	String · 4 ký tự: YYYY	5	Ngữ nghĩa của năm phụ thuộc ngữ cảnh nghiệp vụ.
19	CDE-TG-004	Thời gian và định dạng	Định dạng thời gian đầy đủ (timestamp)	String · 19 ký tự: YYYY-MM-DDTHH:mm:ss	7	Khi trao đổi liên hệ thống của tỉnh phải bổ sung hoặc quy định rõ múi giờ.
20	CDE-LL-001	Thông tin liên lạc	Số điện thoại	String · tối đa 15 ký tự	2	Xác định quy tắc số nội địa/quốc tế và số máy lẻ.
21	CDE-LL-002	Thông tin liên lạc	Địa chỉ thư điện tử	String · tối đa 255 ký tự	2	Trạng thái xác minh phải là thuộc tính riêng.

STT	Mã CDE	Nhóm	Tên nghiệp vụ chuẩn	Đặc tả ngắn theo workbook	Số tên field ánh xạ	Lưu ý áp dụng tại tỉnh
22	CDE-BC-001	Báo cáo và thống kê	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	String · tối đa 50 ký tự	2	Chỉ dùng cho chỉ tiêu thuộc hệ thống/danh mục có thẩm quyền.
23	CDE-MT-001	Siêu dữ liệu và kỹ thuật	ID bản ghi TTDLQG	String · tối đa 150 ký tự	2	Chỉ dùng cho định danh bản ghi tại TTDLQG; không ánh xạ mọi field tên ID.

B. Danh mục phần tử dữ liệu ưu tiên cấp tỉnh và quan hệ CDE

Ký hiệu: B-MAP - ánh xạ phần tử đã có; A-NEW - đề xuất phần tử mới; REF - tham chiếu bảng mã; LEGACY - chỉ dùng cho dữ liệu lịch sử; TECH - trường kỹ thuật. CDE nhóm TG chủ yếu chuẩn hóa định dạng thời gian, không thay thế định nghĩa nghiệp vụ của phần tử TQ-DE.

STT	Mã TQ-DE	Tên nghiệp vụ	Tên kỹ thuật khuyến nghị	Miền	Kiểu/định dạng trao đổi khuyến nghị	CDE quốc gia/trạng thái	Quy tắc và ghi chú kiểm soát
1	TQ-DE-PER-001	Số định danh cá nhân	PersonalIdentificationNumber	PER	String; 12 chữ số khi áp dụng cho số định danh cá nhân Việt Nam	CDE-CN-001; B-MAP	Không ánh xạ trực tiếp CMND 9 số vào phần tử này; bảo vệ theo pháp luật về dữ liệu cá nhân.
2	TQ-DE-PER-002	Họ và tên đầy đủ	FullName	PER	String; Unicode; không tự ý viết hoa toàn bộ	A-NEW; chưa có CDE tương ứng	Lưu giá trị đầy đủ; nếu tách họ/tên đệm/tên phải có quy tắc và không làm mất bản gốc.
3	TQ-DE-PER-003	Ngày sinh	DateOfBirth	PER	Date/String: YYYY-MM-DD; cho phép độ chính xác năm/tháng khi nguồn hợp pháp chỉ có thông tin một phần	CDE-TG-001 chỉ chuẩn hóa định dạng	Không tự gán ngày 01 cho ngày/tháng bị thiếu; giữ TQ-DE để mô tả ngữ nghĩa ngày sinh.

STT	Mã TQ-DE	Tên nghiệp vụ	Tên kỹ thuật khuyến nghị	Miền	Kiểu/định dạng trao đổi khuyến nghị	CDE quốc gia/trạng thái	Quy tắc và ghi chú kiểm soát
4	TQ-DE-PER-004	Giới tính	GenderCode	PER/REF	String; 1 ký tự số theo miền giá trị được xác nhận	CDE-CN-002; REF/B-MAP	Không suy luận từ họ tên hoặc số định danh; lưu mã và phiên bản danh mục.
5	TQ-DE-PER-005	Quốc tịch	NationalityCode	PER/REF	String; 2 ký tự chữ hoa (alpha-2)	CDE-CN-003; REF/B-MAP	Phân biệt quốc tịch với quốc gia; thiết kế cho phép nhiều quốc tịch khi nghiệp vụ yêu cầu.
6	TQ-DE-PER-006	Dân tộc	EthnicityCode	PER/REF	String; 2 ký tự số	CDE-CN-004; REF/B-MAP	Không tự xây dựng mã địa phương; ghi trạng thái không xác định khi có căn cứ.
7	TQ-DE-PER-007	Tôn giáo	ReligionCode	PER/REF	String; 5 ký tự	CDE-CN-005; REF/B-MAP	Thu thập, sử dụng theo căn cứ và mục đích hợp pháp; kiểm soát dữ liệu cá nhân.
8	TQ-DE-PER-008	Mã số bảo hiểm xã hội	SocialInsuranceNumber	PER	String; 10 ký tự số	CDE-CN-006; B-MAP	Không đồng nhất với số định danh cá nhân nếu chưa có quy định/đối soát chính thức.
9	TQ-DE-PER-009	Nghề nghiệp	OccupationCode	PER/REF	String; 5 ký tự	CDE-CN-007; REF/B-MAP	Phân biệt tên chức danh, vị trí việc làm và nghề nghiệp; ghi phiên bản bảng mã.
10	TQ-DE-PER-010	Số điện thoại liên hệ	PhoneNumber	PER	String; tối đa 15 ký tự	CDE-LL-001; B-MAP	Không loại bỏ dấu +; tách số máy lẻ; xác định mục đích sử dụng và thời hạn lưu.

STT	Mã TQ-DE	Tên nghiệp vụ	Tên kỹ thuật khuyến nghị	Miền	Kiểu/định dạng trao đổi khuyến nghị	CDE quốc gia/trạng thái	Quy tắc và ghi chú kiểm soát
11	TQ-DE-PER-011	Địa chỉ thư điện tử	EmailAddress	PER	String; tối đa 255 ký tự	CDE-LL-002; B-MAP	Không tự động chuyển đổi giá trị làm thay đổi địa chỉ; lưu trạng thái xác minh riêng.
12	TQ-DE-PER-012	Loại giấy tờ định danh	IdentityDocumentTypeCode	PER/REF	String; 2 ký tự số	CDE-GT-001; REF/B-MAP	Không ban hành lại mã 01–05 khi chưa có nguồn có thẩm quyền; liên kết với số, ngày cấp, nơi cấp.
13	TQ-DE-PER-013	Số giấy tờ định danh khác hoặc lịch sử	IdentityDocumentNumber	PER	String; theo loại giấy tờ	A-NEW; chưa có CDE tương ứng	Dùng cho CMND cũ, hộ chiếu hoặc giấy tờ khác theo ngữ cảnh; không coi mặc nhiên là số định danh cá nhân.
14	TQ-DE-PER-014	Ngày cấp giấy tờ	DocumentIssueDate	PER	Date/String: YYYY-MM-DD	CDE-TG-001 chỉ chuẩn hóa định dạng	Gắn với đúng giấy tờ; không dùng ngày ghi nhận vào hệ thống thay cho ngày cấp.
15	TQ-DE-PER-015	Ngày hết hạn giấy tờ	DocumentExpiryDate	PER	Date/String: YYYY-MM-DD; có thể rỗng nếu loại giấy tờ không có hạn	CDE-TG-001 chỉ chuẩn hóa định dạng	Quy tắc bắt buộc phụ thuộc loại giấy tờ.
16	TQ-DE-PER-016	Cơ quan cấp giấy tờ	DocumentIssuingAuthority	PER/ORG	String hoặc mã cơ quan theo nguồn	A-NEW/REF; chưa có CDE tương ứng	Ưu tiên mã cơ quan nếu có danh mục; vẫn lưu tên hiển thị từ nguồn khi cần đổi chiếu.

STT	Mã TQ-DE	Tên nghiệp vụ	Tên kỹ thuật khuyến nghị	Miền	Kiểu/định dạng trao đổi khuyến nghị	CDE quốc gia/trạng thái	Quy tắc và ghi chú kiểm soát
17	TQ-DE-LOC-001	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh	ProvinceCode	ADR/REF	String; 2 ký tự số	CDE-DC-001; REF/B-MAP	Không đổi sang số nguyên; bảo toàn số 0; ghi thời gian hiệu lực.
18	TQ-DE-LOC-002	Mã đơn vị hành chính cấp xã	CommuneCode	ADR/REF	String; 5 ký tự số	CDE-DC-003; REF/B-MAP	Áp dụng mô hình chính quyền địa phương hai cấp; bảo toàn lịch sử thay đổi mã.
19	TQ-DE-LOC-003	Mã đơn vị hành chính cấp huyện (lịch sử)	HistoricalDistrictCode	ADR/REF	String; 3 ký tự số kèm thời gian hiệu lực	CDE-DC-002; LEGACY	Không dùng cho bản ghi mới, trừ yêu cầu tương thích/tra cứu lịch sử.
20	TQ-DE-LOC-004	Mã quốc gia	CountryCode	ADR/REF	String; 3 ký tự chữ hoa (alpha-3)	CDE-DC-004; REF/B-MAP	Định nghĩa CDE-DC-004 trong workbook bị sao chép nhầm; chỉ dùng mã/tên/format đã đối soát.
21	TQ-DE-ORG-001	Mã định danh tổ chức	OrganizationIdentifier	ORG	String; tối đa 35 ký tự	CDE-TC-002; B-MAP	Ghi rõ loại mã và cơ quan cấp; không dùng chung cột cho các loại mã không tương đương.
22	TQ-DE-ORG-002	Mã số thuế	TaxIdentificationNumber	ORG	String; 10 hoặc 13 ký tự số	CDE-TC-001; B-MAP	Bảo toàn số 0; phân biệt mã số thuế đơn vị phụ thuộc nếu có.
23	TQ-DE-ORG-003	Mã đơn vị thống kê	StatisticalUnitCode	ORG/REF	String; theo danh mục thống kê chính thức	A-NEW/REF; chưa có CDE tương ứng	Không thay thế mã cơ quan, mã số thuế hoặc mã đơn vị quan hệ ngân sách.

STT	Mã TQ-DE	Tên nghiệp vụ	Tên kỹ thuật khuyến nghị	Miền	Kiểu/định dạng trao đổi khuyến nghị	CDE quốc gia/trạng thái	Quy tắc và ghi chú kiểm soát
24	TQ-DE-ADM-001	Mã thủ tục hành chính	AdministrativeProcedureCode	ADM/REF	String; theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	A-NEW/REF; chưa có trong 23 CDE	Ghi mã phiên bản/hiệu lực; không tự đặt mã trao đổi thay cho mã chính thức.
25	TQ-DE-ADM-002	Mã hồ sơ thủ tục hành chính	DossierCode	ADM	String; duy nhất trong phạm vi quy định	A-NEW; chưa có trong 23 CDE	Xác định phạm vi duy nhất, cấu trúc, hệ thống phát hành và quy tắc không tái sử dụng.
26	TQ-DE-ADM-003	Trạng thái xử lý hồ sơ	DossierStatusCode	ADM/REF	String; mã theo lược đồ trao đổi chính thức	A-NEW/REF; chưa có trong 23 CDE	Không dùng chuỗi mô tả tự do để tích hợp; ánh xạ trạng thái nội bộ sang trạng thái trao đổi.
27	TQ-DE-ADM-004	Thời điểm tiếp nhận hồ sơ	ReceivedAt	ADM	DateTime: RFC 3339/ISO 8601 có múi giờ	CDE-TG-004 chỉ chuẩn hóa định dạng	Phân biệt thời điểm người dân nộp và thời điểm cơ quan tiếp nhận.
28	TQ-DE-ADM-005	Thời điểm hoàn thành giải quyết	ResolvedAt	ADM	DateTime: RFC 3339/ISO 8601 có múi giờ	CDE-TG-004 chỉ chuẩn hóa định dạng	Chỉ ghi khi hoàn thành theo nghiệp vụ; không dùng thời điểm cập nhật bản ghi thay thế.
29	TQ-DE-ADM-006	Mã kết quả giải quyết	ResultCode	ADM/REF	String; theo danh mục kết quả/giấy tờ có thẩm quyền	A-NEW/REF; chưa có trong 23 CDE	Liên kết loại kết quả, số, ngày cấp, cơ quan cấp và tệp điện tử khi có.
30	TQ-DE-GOV-001	Mã chỉ tiêu báo cáo/thống kê	IndicatorCode	GOV/REF	String; tối đa 50 ký tự nếu là chỉ tiêu thống kê quốc gia	CDE-BC-001 khi đúng phạm vi; B-MAP	Với chỉ tiêu địa phương/chuyên ngành khác phải xác định danh mục, công thức, đơn vị, kỳ và nguồn.

STT	Mã TQ-DE	Tên nghiệp vụ	Tên kỹ thuật khuyến nghị	Miền	Kiểu/định dạng trao đổi khuyến nghị	CDE quốc gia/trạng thái	Quy tắc và ghi chú kiểm soát
31	TQ-DE-GOV-002	Kỳ báo cáo	ReportingPeriod	GOV	Cấu trúc loại kỳ, năm, số kỳ hoặc khoảng thời gian	CDE-TG-002/003/004 tùy ngữ cảnh	Không mặc nhiên ánh xạ mọi kỳ báo cáo vào YYYY-MM; quý và kỳ tùy chỉnh cần cấu trúc riêng.
32	TQ-DE-TEC-001	Định danh bản ghi tích hợp	IntegrationRecordId	INT	String; duy nhất trong namespace/hệ thống	CDE-MT-001 chỉ khi là ID bản ghi TTDLQG	Dùng chống trùng/lặp và truy vết; không thay thế mã nghiệp vụ hoặc mã chủ thể.
33	TQ-DE-TEC-002	Thời điểm tạo bản ghi	CreatedAt	INT	DateTime: RFC 3339/ISO 8601 có múi giờ	CDE-TG-004; TECH/format	Do hệ thống ghi; không đồng nhất với ngày phát sinh nghiệp vụ.
34	TQ-DE-TEC-003	Thời điểm cập nhật bản ghi	UpdatedAt	INT	DateTime: RFC 3339/ISO 8601 có múi giờ	CDE-TG-004; TECH/format	Do hệ thống ghi; cập nhật theo quy tắc nhất quán; phục vụ đồng bộ gia tăng.

C. Quy tắc cấp và sử dụng mã TQ-DE

- Cấu trúc: TQ-DE-<MIỀN>-<SỐ THỨ TỰ>; mã được cấp một lần, không tái sử dụng. Mã không mang ý nghĩa pháp lý về thẩm quyền và không thay thế mã CDE quốc gia.
- Tên kỹ thuật trong Phụ lục này là tên trao đổi khuyến nghị; trường vật lý hiện có được giữ nguyên nhưng phải lập ánh xạ. Đổi tên trường vật lý chỉ thực hiện theo kế hoạch có đánh giá tác động.
- Với 23 CDE đã đối soát, ghi cả tệp, sheet, dòng, phiên bản và người xác nhận; với khái niệm chưa có, giữ A-NEW và không suy đoán mã. Không thay đổi mã TQ-DE nếu việc thay đổi làm mất khả năng truy vết.